

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4233/STC-TCĐT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

V/v báo cáo tổng hợp tình hình
quyết toán dự án hoàn thành sử
dụng nguồn vốn đầu tư công 6
tháng đầu năm 2023 trên địa bàn
Thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; chỉ đạo của UBND Thành phố tại các Văn bản: số 920/UBND-KT ngày 31/3/2022 về việc đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành, số 641/UBND-KTTH ngày 13/3/2023 về việc thực hiện quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

Sau khi rà soát, tổng hợp báo cáo của các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện, thị xã, Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố về tình hình quyết toán hoàn thành dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là: 897 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 9.747,5 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 9.676,9 tỷ đồng, giảm trừ 70,6 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư, bao gồm:

1.1 Dự án sử dụng ngân sách do cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 39 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 3.303,8 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 3.298,7 tỷ đồng, giảm trừ 5,1 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 1.1)**

1.2. Dự án sử dụng ngân sách do cấp huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận, huyện, thị xã): 858 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 6.443,7 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 6.378,2 tỷ đồng, giảm trừ 65,5 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 2.1)**

2. Số dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 1.388 dự án, bao gồm:

2.1. Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 136 dự án **(Phụ lục 1.2)**, trong đó:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 43 dự án (trong hạn thẩm tra).

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 93 dự án (gồm 16 dự án trong hạn lập báo cáo, 77 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).

2.2. Dự án sử dụng ngân sách do cấp huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận, huyện, thị xã): 1.252 dự án (**Phụ lục 2.2**), trong đó:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 474 dự án (gồm 446 dự án trong hạn thẩm tra, 28 dự án chậm phê duyệt quyết toán).

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 778 dự án (gồm 684 dự án trong hạn lập báo cáo, 94 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).

Sở Tài chính tổng hợp, kính báo cáo UBND Thành phố tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, TCĐT_{T.Trình}

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
Nguyễn Xuân Sáng

Phụ lục 1.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Văn bản số **4273**/STC-TCĐT ngày **20**/7/2023 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Tổng cộng	39	3.952,8	3.303,8	3.298,7	5,1
1	Nhóm A	0	0,0	0,0	0,0	0,0
2	Nhóm B	8	2.368,0	2.107,7	2.105,9	1,9
3	Nhóm C	31	1.584,9	1.196,0	1.192,8	3,2
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng thành phố Hà Nội	11	2.048,6	1.869,0	1.868,2	0,8
	Nhóm B	4	1.834,4	1.680,8	1.680,2	0,6
	ĐTXD đường vành đai 1 (đoạn Ô chợ dừa - Hoàng Cầu)	1	975,2	915,1	914,9	0,2
	Dự án cải tạo, nâng cấp công trình Sân điền kinh ngoài trời và Hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Seagame 31 và Paragame 11 năm 2021	1	101,6	77,8	77,8	0,0
	Dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Bể bơi, bể nhảy cầu phục vụ seagames 31 năm 2021 và Paragames 11	1	70,0	65,9	65,9	0,0
	Xây dựng cơ quan trụ sở Thành ủy Hà Nội	1	687,7	621,9	621,5	0,4
	Nhóm C	7	214,2	188,2	188,0	0,2
	Dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Cung điền kinh phục vụ seagames 31 năm 2021 và Paragames 12	1	60,8	54,7	54,7	0,0
	Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà luyện tập và thi đấu Bi sắt phụ vụ Seagame 31 năm 2021	1	36,0	28,9	28,9	0,0
	Xây dựng tuyến đường số 01 vào Trung tâm khu đô thị Tây Hồ tây	1	52,7	43,9	43,9	0,1
	Dự án cải tạo, nâng cấp trung tâm bảo trợ xã hội IV Hà Nội	1	42,6	39,7	39,6	0,1
	Xây dựng trụ sở làm việc công an Sài Đồng, thuộc công an thành phố Hà Nội	1	8,0	7,9	7,8	0,0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	1	7,7	7,1	7,1	0,0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây	1	6,3	6,1	6,1	0,0
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	9	455,7	291,3	289,9	1,4
	Nhóm B	1	161,1	100,3	99,2	1,1
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng	1	161,1	100,3	99,2	1,1
	Nhóm C	8	294,6	191,0	190,7	0,3
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng	1	6,2	5,5	5,5	0,0
	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	1	82,2	50,1	49,9	0,3
	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Tây Ninh, huyện Phúc Thọ	1	8,2	7,2	7,2	0,0
	Xây dựng cầu Tiên, huyện Mê Linh	1	8,2	6,5	6,5	0,0
	Xây dựng cầu Hòa Viên, lý trình K41+177 ĐT 419	1	52,3	45,2	45,2	0,0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra quốc lộ 6 (đoạn qua điểm khu công nghiệp Tiên phương và điểm khu công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	1	32,2	18,3	18,3	0,0
	Đầu tư xây dựng cầu Hạ Dục thuộc xã Đông Phú, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	69,0	32,3	32,3	0,0
	Xây dựng Cầu Gốm	1	36,3	25,9	25,9	0,0
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội	1	118,3	103,6	103,5	0,1
	Nhóm B	1	118,3	103,6	103,5	0,1
	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên	1	118,3	103,6	103,5	0,1
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	102,9	102,5	101,4	1,0
	Nhóm C	3	102,9	102,5	101,4	1,0
	Xử lý cấp bách nâng cấp đê tả Bùi (đoạn từ trạm bơm Trung Hoàng đến hết tràn Thanh Bình), huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.	1	29,4	29,3	29,1	0,3
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K52+500 đến K52+800 thuộc địa bàn phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	1	30,4	30,0	29,2	0,8
	XLCB chống sạt lở đê tả sông Bùi đoạn qua địa phận các xã Tốt Động, Quảng Bị huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	43,2	43,2	43,2	0,0
5	Sở Công thương	1	143,9	135,2	135,2	0,0
	Nhóm B	1	143,9	135,2	135,2	0,0
	Xây dựng trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	1	143,9	135,2	135,2	0,0
6	UBND quận Nam Từ Liêm	1	80,6	55,1	55,1	0,0
	Nhóm B	1	80,6	55,1	55,1	0,0
	Xây dựng tuyến đường kết nối huyện Hoài Đức và quận Nam Từ Liêm từ trục trung tâm khu đô thị Vân Canh với đường Trần Hữu Dục và đường vành đai 3	1	80,6	55,1	55,1	0,0
7	UBND quận Thanh Xuân	1	366,2	203,3	203,3	0,0
	Nhóm B	1	366,2	203,3	203,3	0,0
	Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân	1	366,2	203,3	203,3	0,0
8	UBND huyện Ba Vì	2	85,7	81,8	81,6	0,2
	Nhóm C	2	85,7	81,8	81,6	0,2
	Xử lý chống sạt lở bờ hữu sông Hồng khu vực K20+700 đến K20+950 và K21+200 đến K21+500 đê hữu Hồng xã Chu Minh	1	35,2	31,5	31,5	0,0
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Vân Hồng từ K24-K24+800 xã Đông Quang	1	50,5	50,4	50,2	0,2
9	UBND huyện Chương Mỹ	2	197,7	147,4	147,1	0,3
	Nhóm B	1	183,9	134,4	134,1	0,3
	Xây dựng môi trường Nguyễn Văn Trỗi, huyện Chương Mỹ	1	183,9	134,4	134,1	0,3
	Nhóm C	1	13,8	13,0	13,0	0,0
	Xây dựng trường mầm non trong khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	13,8	13,0	13,0	0,0
10	UBND huyện Đan Phượng	1	1,6	1,2	1,2	0,0
	Nhóm C	1	1,6	1,2	1,2	0,0
	XLCB khắc phục sự cố sạt lở trượt mặt đê, mái đê tại K1+900 phía thượng lưu đê tả Đáy xã Song Phương, huyện Đan Phượng	1	1,6	1,2	1,2	0,0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
11	UBND huyện Phú Xuyên	1	24,0	21,9	21,9	0,0
	Nhóm C	1	24,0	21,9	21,9	0,0
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Vân Đình đoạn sau đập Hà Mỹ đến cầu Phù Bật xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên	1	24,0	21,9	21,9	0,0
12	UBND huyện Phúc Thọ	1	58,2	51,8	51,4	0,4
	Nhóm C	1	58,2	51,8	51,4	0,4
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương Trạch Mỹ Lộc	1	58,2	51,8	51,4	0,4
13	UBND huyện Quốc Oai	3	113,0	109,4	109,0	0,4
	Nhóm C	3	113,0	109,4	109,0	0,4
	Xây dựng nhà thể chất, thư viện trường THPT Minh Khai	1	31,0	30,2	29,9	0,2
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đáy, đường tỉnh lộ 421 từ Liên Hiệp Phúc Thọ đi Sài Sơn - Yên Sơn - Thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa, thành phố Hà Nội	1	70,0	67,3	67,2	0,2
	XLCB các điểm sạt lở đê bao tả Tích, huyện Quốc Oai	1	12,0	11,9	11,9	0,0
14	UBND huyện Sóc Sơn	1	46,3	42,4	42,1	0,3
	Nhóm C	1	46,3	42,4	42,1	0,3
	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Hàm Lợn, xã Nam Sơn	1	46,3	42,4	42,1	0,3
15	UBND huyện Thạch Thất	1	110,2	87,9	87,8	0,1
	Nhóm B	1	110,2	87,9	87,8	0,1
	Cải tạo, nâng cấp ĐT 419 đoạn từ Km0+600 đến Km 4+842, huyện Thạch Thất	1	110,2	87,9	87,8	0,1

Phụ lục 1.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Văn bản số **423**/STC-TCĐT ngày **20**/7/2023 của Sở Tài chính)

a) Dự án hoàn thành đang thẩm tra hồ sơ quyết toán

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		43	43	9.876,2	7.515,6	0	0	0
	Nhóm A		1	1	3.775,9	2.474,2			
	Nhóm B		14	14	4.930,6	4.020,7			
	Nhóm C		28	28	1.169,7	1.020,8			
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		4	4	1.320,9	1.219,7			
	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	B		1	1.220,3	1.163,5			
	Đầu tư xây dựng công trình cầu Kim Quan 1, huyện Thạch Thất	C		1	16,4	11,7			
	Xây dựng cầu Hồng Phú	C		1	44,5	24,4			
	ĐTXD cầu Yên Trinh, huyện Chương Mỹ	C		1	39,7	20,0			
2	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		16	16	5.637,5	4.011,0			
	Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long - Vân tri	A		1	3.775,9	2.474,2			
	Nâng cấp bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	B		1	345,9	311,4			
	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC số 14 (Thạch Thất) thuộc Công an TP Hà Nội	C		1	52,4	43,4			
	Dự án Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội GD 2	B		1	324,7	258,3			
	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC số 7 (Thanh Trì) thuộc Công an TP Hà Nội	B		1	52,5	46,3			
	Đầu tư mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng CS PCCC thành phố	B		1	446,8	382,5			
	Xất dựng trụ sở làm việc Đồn công an Đồng Mô, thị xã Sơn Tây thuộc công an TP	C		1	7,5	7,1			
	Nâng cấp bệnh viện tâm thần huyện Mỹ Đức	C		1	39,6	32,8			
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Đền Lừ, Hoàng Văn Thụ, Đồng Tàu, Pháp Vân Tứ Hiệp, Vĩnh Tuy, Sài Đồng, Minh Khai, Sóng Hoàng, Đại Kim, Bắc Đại Kim mở rộng, Lô OCT1 Bắc Linh Đàm mở rộng - giai đoạn 1 (32 vị trí)	B		1	61,0	51,6			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị và lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư khu đô thị Nam Trung Yên, khu đô thị mới Yên Hòa - GD1 (18 vị trí)	C		1	31,0	26,7			
	Xây dựng hệ thống PCCC 05 nhà chung cư tái định cư Đền Lừ (nhà A, B, C, E), quận Hoàng Mai và 94B Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy	C		1	21,5	20,6			
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị và lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Kim Liên, Định Công, Đại Kim, Bắc Linh Đàm, Giáp Bát, khu 7,2ha Vĩnh Phúc - GD1 (37 vị trí)	C		1	29,4	23,9			
	Dự án sửa chữa, bảo trì khu Trung Hòa Nhân Chính, Trung Yên, Hạ Yên, Mễ Trì Hạ (26 vị trí)	C		1	63,6	63,6			
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC tại các khu đô thị Xuân La, Xuân Đình, Nghĩa Đô, Phú Thượng... (23 vị trí)	C		1	14,9	14,3			
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC tại các khu 5,03ha Dịch Vọng, Cầu Diễn, Xuân La, Nam Thăng Long, Đông Quang, Hoàng Cầu, Láng Thượng giai đoạn 1 (25 vị trí)	C		1	34,8	32,0			
	Xây dựng trụ sở viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội	B		1	335,9	222,1			
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH HTKT VÀ NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI		4				4	660,37	456,04
	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên	B					1	144,74	128,23
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	C					1	76,16	56,95
	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	C					1	43,70	39,45
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng	B					1	395,77	231,42
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		7	7	421,2	377,4			
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Linh Chiểu tương ứng K32+600 đến K32+850 đê hữu Hồng, xã Sen Phương, Phúc Thọ	C		1	17,5	16,0			
	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	B		1	182,6	148,6			
	XLCB khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua địa bàn các xã Phú Nam An, Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	B		1	68,7	64,8			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở mái đê, hư hỏng mặt đê hữu Đáy trên địa bàn Đông Quang, Yên Sơn và thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	C		1	15,0	15,0			
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà đoạn tương ứng từ K3+150 đến K3+430 và từ K3+760 đến K4+100 đê hữu Đà thuộc địa bàn xã Sơn Đà, huyện Ba Vì	C		1	38,1	37,1			
	XLCB chống sạt lở khu vực kè Khê Thượng tương ứng từ K4+100 đến K4+700 đê hữu Đà, khu vực trạm bơm Đồng Tiến với chiều dài khoảng 500m và đoạn từ cuối thôn Liên Bu với chiều dài khoảng 450m về phía cầu Đông Quang thuộc bờ hữu Sông Đà, huyện Ba Vì	C		1	42,4	39,9			
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	C		1	56,8	56,1			
5	UBND QUẬN CẦU GIẤY		1	1	969,4	565,1			
	Xây dựng đường từ bảo tàng dân tộc học đến đường 32, quận Cầu Giấy	B		1	969,4	565,1			
6	UBND QUẬN TÂY HỒ		1	1	24,9	22,0			
	Hoàn chỉnh hệ thống HTKT đô thị khu nhà ở di dân GPMB phường Xuân La	C		1	24,9	22,0			
7	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH		1	1	25,1	24,0			
	Xây dựng TTTV thể thao khu nhà ở Kim Chung, huyện Đông Anh	C		1	25,1	24,0			
8	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC		1	1	100,6	88,0			
	Xây dựng đường Lại Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Đìa Sáo)	B		1	100,6	88,0			
9	UBND HUYỆN MÊ LINH		2	2	101,7	96,1			
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Mê Linh, huyện Mê Linh	B		1	89,1	86,2			
	Xây dựng HTKT khu đất tái định cư tại xã Mê Linh, phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm khu đô thị mới Mê Linh	C		1	12,7	9,9			
10	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC		1	1	36,4	35,9			
	Cải tạo, nâng cấp và cứng hóa bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới đòai trám, kênh tiêu N4B	C		1	36,4	35,9			
11	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN		3	3	110,7	97,0			
	XLCB đê hữu sông Lương và đê Tả sông Duy Tiên, thuộc địa bàn xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	C		1	23,6	21,6			
	XD hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 428,429 và trên đê sông Hồng thuộc địa bàn huyện Phú Xuyên	C		1	38,4	30,3			
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Phú Xuyên B	C		1	48,8	45,1			
12	UBND HUYỆN QUỐC OAI		2	2	35,5	34,0			
	XLCB sạt lở đê hữu Tích, đoạn đê Khoang Ông, Đồng Mạ, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai	C		1	21,3	20,1			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	XLCB sự cố sạt lở đê bao Liệp Mai và đê Hữu Tích, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai	C		1	14,2	13,9			
13	UBND HUYỆN THANH TRÌ		1	1	114,3	102,9			
	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	B		1	114,3	102,9			
14	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN		1	1	47,0	44,2			
	Cứng hóa mặt kênh làm đường giao thông đoạn kênh Vân Từ đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín	C		1	47,0	44,2			
15	Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội		1	1	312,2	268,9			
	Xây dựng HTKT khu đất 1,65ha thuộc phường Cổ Nhuế 2 và phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm phục vụ tái định cư cho các hộ dân di dời của dự án	C		1	312,2	268,9			
16	Công ty TNHH thoát nước Hà Nội		1	1	618,8	529,3			
	Xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đông Bông, Đông Bông 2 khu vực phía tây Hà Nội	B		1	618,8	529,3			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		93	16	1.239,8	793,3	77	26.145,6	19.933,0
	Nhóm A	A	4	0	-	-	4	12.597,8	9.038,9
	Nhóm B	B	54	6	732,0	540,9	48	12.507,8	10.119,1
	Nhóm C	C	35	10	507,8	252,4	25	1.040,0	774,9
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TP HÀ NỘI		14	2	31,8	31,8	12	12.341,4	9.741,1
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn I)	A					1	3.151,8	2.816,9
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN	A					1	7.500,0	5.812,0
	Đầu tư xây dựng đường 418	B					1	111,3	101,6
	Xây dựng Cầu Ngọc Hồi	C					1	111,4	91,6
	Xây dựng Cầu Ái Mộ	B					1	122,8	72,3
	Xây dựng tuyến đường vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ- Ngã tư Vọng (dự án chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện)	C		1	31,0	31,0			
	Cải tạo, nâng cấp đường 423 thuộc địa phận quận Hà Đông, huyện Từ Liêm, huyện Hoài Đức, huyện Quốc Oai	C		1	0,8	0,8			
	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)	B					1	560,3	376,3
	Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ cầu Trung Tự đến nút giao Lương Định Của)	C					1	37,0	0,5
	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	C					1	49,8	34,6
	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành	B					1	322,0	160,8
	Xây dựng cầu vượt nút giao Nam Hồng với tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài	B					1	305,8	238,4
	Dự án cầu Ý La	C					1	15,6	12,1
	Dự án cầu Phú Thứ	C					1	53,6	24,2
2	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		10	5	313,5	276,2	5	1.968,9	1.744,8
	Dự án tăng cường an toàn giao thông hợp phần Hà Nội	A					1	197,7	182,6
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Đông Anh	B					1	415,0	364,2
	Đầu tư nâng cấp bệnh viện Thanh Nhân giai đoạn II	B					1	665,7	613,2
	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II	B					1	640,5	534,7
	Dự án cải tạo nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy	B					1	50,1	50,1
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội	B		1	82,2	74,1			
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Thanh Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội	B		1	53,4	47,8			
	Dự án ĐTXD trụ sở công an quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	B		1	81,5	69,2			
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội	B		1	59,3	50,6			
	Dự án Xây dựng Cảng du lịch Bát Tràng - Gia Lâm	C		1	37,1	34,5			
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI		9	0	-	-	9	1.180,1	959,3
	Dự án cấp nước Gia Lâm	B					1	533,9	466,6
	Kiên cố hóa, kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê	B					1	146,4	116,9
	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh	B					1	103,9	63,9
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Phú Thọ, huyện Phúc Thọ	C					1	69,7	58,3

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Xây dựng đầu mối quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	C					1	25,5	19,6
	Dự án hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước quận Tây Hồ	B					1	6,5	6,5
	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn và vùng ảnh hưởng môi trường của 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ	C					1	49,5	44,6
	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn giai đoạn 1 (83,3 ha)	C					1	49,2	44,0
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	B					1	195,6	139,1
4	UBND QUẬN LONG BIÊN		4				4	3.326,2	2.858,7
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả ngạn sông Hồng	B					1	985,5	679,3
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B					1	1.582,9	1.514,6
	Xây dựng nhà tái định cư phụ vụ di dân GPMB của Thành phố tại phường Thượng Thanh	B					1	187,8	142,9
	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Alexander Yersin) tại phường Ngọc Thụy)	B					1	570,0	521,9
5	UBND HUYỆN GIA LÂM		9	1	380,0	227,0	8	3.876,9	1.943,1
	Dự án tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng	B					1	360,3	274,2
	Dự án tuyến đường theo quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	B					1	90,6	66,4
	Xây dựng tuyến đường Đông Dư - Dương Xá	B					1	884,3	693,8
	Cải tạo, nâng cấp đường dốc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B					1	372,9	366,1
	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Đông Dư - Dương Xá đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	B					1	198,1	127,3
	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	B		1	380,0	227,0			
	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Trâu Quỳ và Đặng Xá, huyện Gia Lâm	A					1	1.748,3	227,3
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 179 đoạn từ Dốc Lờ đến ngã tư 181, huyện Gia Lâm	B					1	153,8	133,0
	Hoàn chỉnh mặt cắt đê đoạn từ K14+500 đến K15+900 thuộc tuyến đê Tả Đuống, huyện Gia Lâm	B					1	68,4	55,0
6	UBND HUYỆN THẠCH THẮT		5	1	75,5	72,1	4	217,5	190,5
	Nâng cấp, cải tạo đê tả tích lý trình từ K+00 đến K16+500 huyện Thạch Thất	C					1	48,9	39,9
	Trường THPT Phùng Khắc Khoan	B					1	55,9	49,4
	Trường THPT Minh Hà	B		1	75,5	72,1			
	Trường THPT Thạch Thất	B					1	65,0	57,8
	Trường THPT Bắc Lương Sơn	B					1	47,7	43,4
7	UBND HUYỆN PHÚC THỌ		3				3	184,3	138,3
	Xây dựng giai đoạn 2 thuộc dự án chợ trung tâm huyện	C					1	54,2	35,6
	Sân vận động huyện Phúc Thọ	C					1	23,7	22,3
	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất ở đồng Cầu Lọc, xã Ngọc Tảo	C					1	106,3	80,4
8	UBND HUYỆN QUỐC OAI		5				5	356,0	337,0
	Trường THPT Phan Huy Chú	B					1	115,4	115,4
	Trường THPT Quốc Oai	B					1	99,7	98,0
	XLCB sự cố đê bồi Tuyết Nghĩa từ thôn Muôn đến Cầu Phú Cát tuyến đê Bồi Minh Khai đi thôn Muôn thuộc xã Tuyết Nghĩa, Cần Hữu	C					1	20,7	17,6

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Nâng cấp, cải tạo bờ hữu sông Tích, huyện Quốc Oai	C					1	42,7	36,4
	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai	C					1	77,5	69,7
9	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC		2				2	193,9	121,5
	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường TL422 (đoạn thị trấn trạm Trời đến cầu Sơn Đồng)	B					1	88,5	42,5
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ Sơn Đồng- Cát Quế huyện Hoài Đức	B					1	105,4	79,0
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM		6	0	-	-	6	1.157,3	906,8
	Xây dựng trường THPT Xuân Phương	B					1	122,4	82,9
	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	B					1	175,0	122,2
	Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp	B					1	293,9	261,6
	Công hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông	B					1	185,7	158,9
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất ký hiệu DDM, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	B					1	115,6	102,5
	Nâng cấp, mở rộng đường 70 (đoạn từ đường Trần Hữu Dực kéo dài đến Quốc lộ 32), quận Nam Từ Liêm	B					1	264,8	178,7
11	UBND HUYỆN ỨNG HÒA		2	-	-	-	2	197,7	96,6
	Xây dựng HTKT phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Trung Tú, Đồng Tân huyện Ứng Hòa	B					1	140,6	56,6
	Nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa	B					1	57,1	40,0
12	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		10	7	193,5	186,1	3	25,9	25,9
	Cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim thư, Đỗ Động, Kim An, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	B					1	7,8	7,8
	Cấp nước sạch liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Văn Nhân (dự án dừng thực hiện)	B					1	9,6	9,6
	Cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên (dự án dừng thực hiện)	C					1	8,5	8,5
	Thí điểm xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	C		1	0,9	0,9			
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	C		1	35,2	34,1			
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	C		1	26,2	24,7			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái đê, hư hỏng mặt đê hữu Đáy trên địa bàn xã Đông Quang, Yên Sơn và thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai.	C		1	17,4	17,3			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K0+200 đến K0+300 đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	C		1	34,0	33,3			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Tây trên địa bàn phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	C		1	60,5	57,6			
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ kè Cổ Đô tương ứng từ K7+370 (sau mô hàn số 10) đến K7+850 (mô hàn số 12) đê hữu Hồng, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	C		1	19,3	18,3			
13	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH		3	-	-	-	3	217,9	131,1
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê	B					1	67,8	49,2
	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	B					1	91,4	51,2
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Dịch Tú, huyện Đông Anh phục vụ GPMB dự án xây dựng Quốc Lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	C					1	58,6	30,7
14	UBND QUẬN THANH XUÂN		1				1	92,4	17,2
	Xây dựng nhà ở phục vụ di dân giải phóng mặt bằng tại phường Kim Giang	B					1	92,4	17,2
15	UBND HUYỆN BA VÌ		1	-	-	-	1	151,7	131,5
	Đường tránh quốc lộ 32 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng)	B					1	151,7	131,5
16	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC		2				2	31,5	27,3
	Kè chống sạt lở đê hữu Đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	C					1	7,2	6,7
	XLCB Sạt lở sông Đáy thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn	C					1	24,2	20,6
17	UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM		4				4	405,3	360,5
	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo	C					1	13,0	1,1
	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng	C					1	12,2	9,6
	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1	C					1	10,1	8,8
	Xây dựng trụ sở quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm	B					1	370,0	341,0
18	UBND HUYỆN MÊ LINH		2	-	-	-	2	194,5	179,0
	Dự án Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính đi TTVHTT huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	B					1	150,0	144,0
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	C					1	44,5	35,0
19	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN		1				1	26,3	23,0
	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Tô Hiệu, huyện Thường Tín	C					1	26,3	23,0

Phụ lục 2.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Văn bản số 4243/STC-TCĐT ngày 20/7/2023 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
A	Tổng cộng	858	7.176	6.443,7	6.378,2	65,5
1	UBND quận Ba Đình	5	39,7	32,6	32,5	0,0
2	UBND quận Cầu Giấy	6	90,6	55,5	55,5	-
3	UBND quận Đống Đa	16	72,8	67,6	66,8	0,7
4	UBND quận Hai Bà Trưng	19	61,2	56,5	56,5	0,0
5	UBND quận Hà Đông	15	215,2	200,1	198,2	2,0
6	UBND quận Hoàn Kiếm	11	468,1	436,4	435,6	0,9
7	UBND quận Hoàng Mai	5	369,3	339,3	339,1	0,2
8	UBND quận Long Biên	13	384,6	349,0	339,7	9,2
9	UBND quận Tây Hồ	5	119,0	113,4	112,7	0,7
10	UBND quận Thanh Xuân	47	172,1	165,1	163,7	1,4
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	12	140,9	133,0	132,8	0,3
12	UBND quận Nam Từ Liêm	7	75,3	72,7	71,9	0,8
13	UBND huyện Ba Vì	22	285,0	275,3	274,9	0,4
14	UBND huyện Chương Mỹ	37	373,5	352,5	336,5	16,0
15	UBND huyện Đan Phượng	71	296,5	274,7	272,0	2,7
16	UBND huyện Đông Anh	84	902,8	806,1	805,4	0,7
17	UBND huyện Gia Lâm	32	405,4	374,5	365,1	9,5
18	UBND huyện Hoài Đức	55	283,1	266,5	264,4	2,1
19	UBND huyện Mê Linh	44	242,9	227,8	226,4	1,5
20	UBND huyện Mỹ Đức	29	262,5	245,4	245,0	0,3
21	UBND huyện Phú Xuyên	47	174,0	160,4	156,9	3,4
22	UBND huyện Phúc Thọ	15	68,3	62,6	62,4	0,2
23	UBND huyện Quốc Oai	22	185,2	177,9	174,4	3,5
24	UBND huyện Sóc Sơn	16	313,3	112,6	112,2	0,3
25	UBND huyện Thạch Thất	18	114,4	108,9	108,6	0,3
26	UBND huyện Thanh Oai	121	317,9	293,8	289,5	4,3
27	UBND huyện Thanh Trì	22	288,5	268,3	266,5	1,8
28	UBND huyện Thường Tín	21	65,3	63,1	62,6	0,5
29	UBND huyện Ứng Hòa	18	102,5	97,7	97,1	0,7
30	UBND Thị xã Sơn Tây	23	285,6	254,3	253,4	0,9

Phụ lục 2.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Văn bản số /STC-TCĐT ngày /7/2023 của Sở Tài chính)

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán về phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
A	Tổng cộng	474	446	6.241,7	5.356,9	28	423,5	392,8
1	UBND quận Ba Đình	12	12	113,5	107,9	0	-	-
3	UBND quận Cầu Giấy	5	4	650,7	564,6	1	45,7	34,9
3	UBND quận Đống Đa	3	3	86,4	48,0	0	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	12	12	171,7	171,6	0	-	-
5	UBND quận Hà Đông	25	25	353,3	334,1			
6	UBND quận Hoàn Kiếm	1	1	4,6	4,2	0	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	7	7	162,7	150,1	0	-	-
8	UBND quận Long Biên	8	8	155,6	143,3	0	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	-	-	0,0	0,0	0	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	2	2	3,8	3,6	0	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	7	7	288,3	265,3	0	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	2	2	146,1	135,6	0	-	-
13	UBND huyện Ba Vì	18	18	295,1	278,8	0	-	-
14	UBND huyện Chương Mỹ	6	-	0,0	0,0	6	154,8	147,6
15	UBND huyện Đan Phượng	39	39	205,2	193,7	0	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	100	86	1.531,9	1.240,4	14	86,3	80,1
17	UBND huyện Gia Lâm	9	9	99,3	91,9	0	-	-
18	UBND huyện Hoài Đức	36	36	205,7	190,2	0	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	19	19	65,9	60,2	0	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	2	2	2,3	2,3	0	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	6	6	30,0	29,1	0	-	-
22	UBND huyện Phúc Thọ	22	20	104,2	94,7	2	16,6	15,1
23	UBND huyện Quốc Oai	11	11	80,7	66,3	0	-	-
24	UBND huyện Sóc Sơn	9	9	249,0	53,6	0	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	20	15	159,6	155,3	5	120,0	115,1
26	UBND huyện Thanh Oai	4	4	6,1	4,7	0	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	22	22	338,7	304,5	0	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	23	23	339,5	307,1	0	-	-
29	UBND huyện Ứng Hòa	27	27	211,9	204,6	0	-	-
30	UBND thị xã Sơn Tây	17	17	179,7	151,3	0	-	-

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
A	Tổng cộng	778	684	9.223,5	6.409,1	94,00	2.249,0	1.994,2
1	UBND quận Ba Đình	-	-	-	-	-	-	-
2	UBND quận Cầu Giấy	1	-	-	-	1	5,0	3,6
3	UBND quận Đống Đa	5	5	348,9	288,4	-	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	28	28	340,5	283,8	-	-	-
5	UBND quận Hà Đông	3	-	-	-	3	29,8	25,4
6	UBND quận Hoàn Kiếm	4	4	39,3	20,0	-	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	35	35	1.517,2	1.285,0	-	-	-
8	UBND quận Long Biên	26	26	1.007,9	457,6	-	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	-	-	-	-	-	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	3	3	5,5	4,0	-	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	6	6	38,2	35,2	-	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	22	16	266,2	208,3	6	112,1	96,4
13	UBND huyện Ba Vì	16	16	237,2	222,3	-	-	-
14	UBND huyện Chương Mỹ	4	-	-	-	4	204,9	180,5
15	UBND huyện Đan Phượng	46	46	255,0	178,4	-	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	83	58	1.767,2	1.309,3	25	1.042,0	951,6
17	UBND huyện Gia Lâm	38	38	780,8	-	-	-	-
18	UBND huyện Hoài Đức	113	113	507,6	380,5	-	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	10	10	58,7	46,3	-	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	10	10	33,2	32,0	-	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	27	23	195,5	144,4	4	6,4	5,1
22	UBND huyện Phúc Thọ	28	22	236,9	200,9	6	123,9	110,2
23	UBND huyện Quốc Oai	11	11	80,7	66,3	-	-	-
24	UBND huyện Sóc Sơn	17	17	367,4	309,7	-	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	20	-	-	-	20	306,3	253,8
26	UBND huyện Thanh Oai	125	125	324,0	247,0	-	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	10	10	418,4	375,3	-	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	10	10	104,5	73,7	-	-	-
29	UBND huyện Ứng Hòa	49	24	97,9	96,3	25	418,7	367,7
30	UBND thị xã Sơn Tây	28	28	194,7	144,2	-	-	-